

*Kế Sách, ngày 18 tháng 12 năm 2020.*

Số: 363/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 552/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa:

\* *Nguyên đơn*: Phạm Thị D, sinh năm 1984.

\* *Bị đơn*: Huỳnh Quốc C (H), sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**2. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Bà Phạm Thị D và ông Huỳnh Quốc C (H).

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1 *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị D và ông Huỳnh Quốc C (H) thuận tình ly hôn.

2.2 *Về con chung và vấn đề cấp dưỡng*: Bà D và ông C đều thừa nhận có hai con chung tên Huỳnh Hoàng H1, sinh ngày 25/7/2004 và Huỳnh Xuân N, sinh ngày 16/02/2015. Con chung tên H1 có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với cha cháu là ông C sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Bà D và ông C thoả thuận, ông C là người trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Hoàng H1, sinh ngày 25/7/2004 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Còn con chung tên Huỳnh Xuân N, sinh ngày 16/02/2015 sẽ do bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà D và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

Bà D và ông C có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

2.3 *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 *Về nợ chung*: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 *Án phí sơ thẩm hòa giải thành*: Bà D đồng ý chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0006847 ngày 10/12/2020. Bà D được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền nêu trên.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã S, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Tô Thị Bích Duyên**